

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 819/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Lệ Tr, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Số 55/2, ấp Nh, xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ tạm trú: Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đồng Hoàng Th, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Số 55/2, ấp Nh, xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ tạm trú: Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Tr trình bày:*

Bà Trinh và ông Thành chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai vào năm 2012 theo Giấy chứng

nhận đăng ký kết hôn số 51, quyển số 01 ngày 21/5/2012. Hôn nhân giữa bà Tr và ông Th hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng bà Tr, ông Th chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông Th không chịu đi làm, không có trách nhiệm với gia đình phụ bà Tr chăm sóc con chung và trên thực tế vợ chồng bà Tr và ông Th đã sống ly thân với nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay. Nhận thấy, hôn nhân giữa bà và ông Th lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đồng Hoàng Th.

Về con chung: Quá trình sống chung bà Tr và ông Th có 02 con chung tên Đồng Nữ Huyền Tr, sinh ngày 02/3/2010 và Đồng Nam Khải Ph, sinh ngày 30/10/2016. Tại đơn khởi kiện, bà Trần Thị Lệ Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nuôi con và yêu cầu ông Đồng Hoàng Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr và cháu Ph, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Tại bản tự khai ngày 12/10/2020 và quá trình tham gia tố tụng bà Tr thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông Đồng Hoàng Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Bản sao chứng minh nhân dân mang tên Đồng Hoàng Th, Trần Thị Lệ Tr; sổ hộ khẩu do Đồng Hoàng Th đứng tên chủ hộ; sổ tạm trú do Nguyễn Thị H đứng tên chủ hộ; giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh.

*Bị đơn ông Đồng Hoàng Th:* Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập họp lệ để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông Th không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Ông Th không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Tr và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Tr không yêu cầu buộc ông Đồng Hoàng Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr và cháu Ph, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Đối với những yêu cầu khác bà Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Ngoài ra, bà Tr không bổ sung thêm ý kiến cũng như không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham

gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký địa chỉ tạm trú và hiện đang sinh sống tại khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

#### **[1.3] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự:**

Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đồng Hoàng Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Tr và bị đơn ông Đồng Hoàng Th trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai vào năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51, quyển số 01 ngày 21/5/2012. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng nguyên đơn xác định từ tháng 4/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Hai vợ chồng không còn sống chung và trên thực tế bà Tr và ông Th đã ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Hiện tại, bà

Tr xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Th. Bị đơn ông Đồng Hoàng Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, thể hiện ông Th không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc. Nguyên đơn xác định vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2020, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn. Bị đơn không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên: Đồng Nữ Huyền Tr, sinh ngày 02/3/2010 và Đồng Nam Khải Ph, sinh ngày 30/10/2016. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung tên: Đồng Nữ Huyền Tr, sinh ngày 02/3/2010 và Đồng Nam Khải Ph, sinh ngày 30/10/2016. Xét thấy tại Bản tự khai 12/10/2020, nguyện vọng của cháu Đồng Nữ Huyền Tr muốn được sống cùng với bà Trần Thị Lệ Tr. Đối với cháu Ph, sinh ngày 30/10/2016 đang còn nhỏ nên cần được sự trông nom, chăm sóc của người mẹ, mặt khác bà Tr cũng là người chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Tr và cháu Ph từ nhỏ. Do đó, việc giao cháu Tr và cháu Ph cho bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Đồng Nữ Huyền Tr và Đồng Nam Khải Ph Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Tr không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Tr về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Đồng Hoàng Th.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ Tr được ly hôn với ông Đồng Hoàng Th.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/5/2012 cho ông Đồng Hoàng Th và bà Trần Thị Lệ Tr không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Đồng Nữ Huyền Tr, sinh ngày 02/3/2010 và Đồng Nam Khải Ph, sinh ngày 30/10/2016 cho bà Trần Thị Lệ Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Đồng Hoàng Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đồng Hoàng Th có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông Th thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Lệ Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0048136 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn. bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**Hồ Thị Hoa**